

Bản án số: 05/2025/DS-ST.

Ngày: 24-7-2025.

V/v “*Tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Phạm Văn Ngải.
2/. Ông Đỗ Văn Chính.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Ngoan.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2024/TLST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS, ngày 07/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Nay là: ấp D, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long theo giấy ủy quyền ngày 15/7/2025 (có mặt).

Bị đơn: ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1989 (có mặt).
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
Nay là: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Nguyễn Văn D - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày: Nguyên vào lúc 17 giờ ngày 06/11/2023 bà đang điều khiển xe mô tô biển số 84K5-4732 trên đường giao thông nông thôn thuộc khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bất ngờ bị xe mô tô biển số 84B1-31469 do ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1989, ngụ ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long điều khiển ngược chiều bất ngờ lấn sang lề trái tông trực diện vào xe bà. Trong quá trình điều khiển xe tham gia

giao thông và gây tai nạn ông Lê Thanh Đ đã có nồng độ cồn trong người. Vụ tai nạn xảy ra làm bà bị gãy bàn chân, năm ngón chân trái và được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện C, sau đó chuyển xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh T điều trị, lúc 20 giờ 30 phút ngày 06/11/2023 chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố H điều trị, đến ngày 08/11/2023 chuyển qua Bệnh viện phục hồi chức năng thành phố H. Ngày 10/11/2023 gia đình bà có điện thoại cho gia đình bị đơn xuống để nói chuyện và yêu cầu phụ chi phí khám chữa bệnh thì gia đình ông Đ có đưa cho gia đình bà 5.000.000 đồng, khi bà xuất viện được 02 ngày, ngày 18/11/2023 vợ chồng ông Đ có xuống thương lượng với bà nhưng không thương lượng được và từ đó đến nay vợ chồng ông Đ không có xuống thăm hay gọi cho bà cuộc gọi nào nữa nên bà đã đưa ra cơ quan Công an huyện C để xem xét, giải quyết. Ngày 29/12/2023 tại Cơ quan Công an huyện C, bà yêu cầu ông Đ bồi thường tiền thuốc và điều trị khám chữa bệnh do tai nạn gây ra là 50.000.000 đồng nhưng ông Đ không đồng ý số tiền bồi thường nêu trên, cuộc hòa giải không thành, xét thấy ông Đ không có thành ý khắc phục hậu quả sau tai nạn và không có trách nhiệm với những hành vi của bản thân mình.

Nay bà N yêu cầu ông Lê Thanh Đ bồi thường tiền khám điều trị vết thương, tái khám, tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền ăn uống là 32.743.065 đồng; Chi phí sửa xe là 904.000 đồng; Tiền công lao động 09 tháng mỗi tháng 9.000.000 đồng là 81.000.000 đồng; T1 công người nuôi bệnh của chồng bà từ ngày 07/11/2023 đến ngày 16/11/2023 là 10 ngày mỗi ngày 400.000 đồng là 4.000.000 đồng; Chi phí mổ lấy inox ở chân ra, tập vật lý trị liệu là 18.182.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 50 tháng lương cơ sở: 1.800.000 đồng x 50 tháng = 90.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đ phải bồi thường là 226.828.065 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu bồi thường thêm bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào khác.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Thanh Đ là bị đơn trình bày: ông Đ thừa nhận vào lúc 17 giờ ngày 06/11/2023 ông có tham gia giao thông gây tai nạn cho bà Nguyễn Thị N trong người đã có nồng độ cồn.

Nay ông Đ đồng ý bồi thường cho bà N tổng cộng số tiền là 106.229.000 đồng, bao gồm tiền khám điều trị vết thương, tái khám, tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền ăn uống là 32.743.065 đồng; Chi phí sửa xe là 904.000 đồng; Tiền công lao động 03 tháng mỗi tháng 9.000.000 đồng là 27.000.000 đồng; T1 công người nuôi bệnh từ ngày 07/11/2023 đến ngày 16/11/2023 là 10 ngày mỗi ngày 400.000 đồng là 4.000.000 đồng; Chi phí mổ lấy inox ở chân ra, tập vật lý trị liệu là 18.182.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở: 23.400.000 đồng. Ngoài ra ông không đồng ý bồi thường thêm các khoản nào nữa.

Theo bị đơn ông Lê Thanh Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, không bổ sung thêm.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Thanh Đ trình bày: Theo nguyên đơn bà N yêu cầu ông Đ bồi thường tổng số tiền là 226.828.065 đồng, ông Đ chỉ chấp nhận bồi thường cho bà N tổng số tiền 106.229.000 đồng, ngoài ra ông không đồng ý bồi thường thêm các khoản nào nữa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Đ bồi thường cho bà N tổng số tiền 106.229.000 đồng trừ đi 5.000.000 đồng mà ông Đ đã đưa trước cho bà N, xem xét điều kiện hoàn cảnh của ông Đ là lao động chính trong gia đình, nuôi vợ, 02 con nhỏ và cha mẹ già, do ông Đ có hoàn cảnh khó khăn nên xem xét miễn giảm án phí cho ông Đ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án có vi phạm tố tụng về thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng đã được khắc phục xong không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng khác: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ kiện, V đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 592 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 2, Điều 3, Điều 7, Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ Luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Lê Thanh Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 112.929.000 đồng (*một trăm mười hai triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Đ bồi thường tiếp số tiền tổn thất tinh thần 35 tháng lương cơ sở là 81.900.000 đồng và yêu cầu ông Đ bồi thường tiếp số tiền ngày công lao động 06 tháng là 54.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “ *Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Lê Thanh Đ bồi thường tiền khám điều trị vết thương, tái khám, tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền ăn uống là 32.743.065 đồng; Chi phí sửa xe là 904.000 đồng; Tiền công lao động 09 tháng mỗi tháng 9.000.000 đồng là 81.000.000 đồng; T1 công người nuôi bệnh của chồng bà từ ngày 07/11/2023 đến ngày 16/11/2023 là 10 ngày mỗi ngày 400.000 đồng là 4.000.000 đồng; Chi phí mổ lấy inox ở chân ra, tập vật lý trị liệu là 18.182.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 50 tháng lương cơ sở: 1.800.000 đồng x 50 tháng = 90.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đ phải bồi thường là 226.828.065 đồng trừ đi 5.000.000 đồng mà bà đã nhận của ông Đ trước đây, ngoài ra bà không yêu cầu bồi thường thêm bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào khác.

Phía bị đơn ông Lê Thanh Đ đồng ý bồi thường cho bà N tổng cộng số tiền là 106.229.000 đồng trừ đi 5.000.000 đồng mà ông Đ đã đưa trước cho bà N, bao gồm tiền khám điều trị vết thương, tái khám, tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền ăn uống là 32.743.065 đồng; Chi phí sửa xe là 904.000 đồng; Tiền công lao động 03 tháng mỗi tháng 9.000.000 đồng là 27.000.000 đồng; T1 công người nuôi bệnh từ ngày 07/11/2023 đến ngày 16/11/2023 là 10 ngày mỗi ngày 400.000 đồng là 4.000.000 đồng; Chi phí mổ lấy inox ở chân ra, tập vật lý trị liệu là 18.182.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở: 23.400.000 đồng. Ngoài ra ông không đồng ý bồi thường thêm khoản tiền nào nữa.

Do các bên không thỏa thuận được với nhau về các khoản bồi thường nên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Xét yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nhận thấy:

- Đối với số tiền khám điều trị vết thương, tái khám, tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền ăn uống là 32.743.065 đồng; Chi phí sửa xe là 904.000 đồng; Tiền công người nuôi bệnh của chồng bà từ ngày 07/11/2023 đến ngày 16/11/2023 là 10 ngày mỗi ngày 400.000 đồng là 4.000.000 đồng; Chi phí mổ lấy inox ở chân ra, tập vật lý trị liệu là 18.182.000 đồng, tổng cộng 55.829.065 đồng, ông Đ thống nhất bồi thường số tiền này cho bà N, căn cứ vào quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không

cần phải chứng minh, buộc ông Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bà N tiền khám điều trị vết thương, tái khám, tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền ăn uống, tiền công người nuôi bệnh, chi phí mổ lấy inox ở chân ra, tập vật lý trị liệu tổng số tiền 55.829.065 đồng.

- Đối với số tiền bồi thường tổn thất tinh thần có căn cứ chấp nhận 01 phần:

Vào ngày 06/11/2023 bà N tham gia giao thông bị ông Đ điều khiển xe ngược chiều bất ngờ lấn sang lề trái tông vào xe bà N, trong quá trình điều khiển xe tham gia giao thông và gây ra tai nạn, ông Đ có nồng độ cồn trong người vụ tai nạn xảy ra làm bà N bị gãy bàn chân năm ngón chân trái và được đưa đi điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện C, sau đó chuyển xuống bệnh viện đa khoa tỉnh T điều trị, tiếp tục chuyển lên Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố H, đến ngày 08/11/2023 chuyển qua phục hồi chức năng thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ thương tật là 28%, Công an kết luận lỗi trong vụ tai nạn là do ông Đ điều khiển xe không đi đúng phần đường quy định gây tai nạn giao thông và trong người có nồng độ cồn, bà N không có lỗi là có thật nên ông Đ phải có trách nhiệm bồi thường về tổn thất tinh thần cho bà N.

Bà N yêu cầu ông Đ bồi thường tiền tổn thất tinh thần 50 tháng lương cơ sở: $1.800.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ tháng} = 90.000.000 \text{ đồng}$, ông Đ chỉ chấp nhận bồi thường 10 tháng lương cơ sở là $2.340.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 23.400.000 \text{ đồng}$, tai nạn xảy ra là có thật làm tinh thần của bà N giảm sút nhưng bà N yêu cầu tiền tổn thất 50 tháng lương cơ sở là quá cao không được chấp nhận, nên yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần chỉ được chấp nhận 01 phần là 15 tháng lương cơ sở là hợp tình hợp lý, lương cơ sở hiện nay là 2.340.000 đồng với số tiền 35.100.000 đồng. Buộc ông Đ có nghĩa vụ bồi thường tổn thất tinh thần cho bà N là 35.100.000 đồng.

Không chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà N yêu cầu ông Đ bồi thường tiếp số tiền tổn thất tinh thần 35 tháng lương cơ sở là 81.900.000 đồng.

- Đối với số tiền bồi thường ngày công lao động có căn cứ chấp nhận 01 phần:

Bà N yêu cầu ông Đ bồi thường tiền công lao động 09 tháng mỗi tháng 9.000.000 đồng là 81.000.000 đồng, ông Đ chỉ đồng ý bồi thường tiền công lao động 03 tháng mỗi tháng 9.000.000 đồng là 27.000.000 đồng, xét thấy tai nạn xảy ra bà N không đi lại được mất khả năng lao động nên bị mất thu nhập trong thời gian điều trị, bà N cho rằng bà bán trà sữa và sửa quần áo tại nhà thu nhập 300.000 đồng/ngày, khi tai nạn xảy ra bà nghỉ bán nên mất thu nhập, Chính quyền địa phương xác nhận bà có bán trà sữa tại nhà, chứ không có xác nhận bà bán trà sữa một ngày được bao nhiêu tiền, bà cung cấp hợp đồng ký kết giữa bà với Công ty trà sữa là bà mua nguyên liệu của Công ty về làm trà sữa bán, ông Đ cũng thống nhất mức thu thập của bà N 300.000 đồng/ngày, theo các giấy khám chữa trị vết thương bà cung cấp cũng không có ghi thời gian nghỉ dưỡng vết thương là bao nhiêu tháng, bà cũng không có giấy tờ gì chứng minh mất thu nhập 09 tháng, số ngày bà N khám và đi điều trị ít hơn thời gian 3 tháng mà ông Đ tự nguyện bồi thường nên chỉ chấp nhận ngày công lao động cho bà N là 03 tháng $\times 300.000 \text{ đồng/ngày} = 27.000.000 \text{ đồng}$, buộc ông Đ có nghĩa vụ bồi thường ngày công lao động cho bà N là 27.000.000 đồng.

Không chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà N yêu cầu ông Đ bồi thường tiếp số tiền ngày công lao động 06 tháng là 54.000.000 đồng.

Buộc ông Lê Thanh Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 117.929.000 đồng – 5.000.000 đồng bà N đã nhận trước đây, còn lại 112.929.000 đồng buộc ông Đ phải bồi thường cho bà N.

Xét lời trình bày của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ 01 phần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí. Ông Lê Thanh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 2, Điều 3, Điều 7, Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ Luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Lê Thanh Đ phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 112.929.000 đồng (*một trăm mười hai triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Đ bồi thường tiếp số tiền tổn thất tinh thần 35 tháng lương cơ sở là 81.900.000 đồng và yêu cầu ông Đ bồi thường tiếp số tiền ngày công lao động 06 tháng là 54.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Thanh Đ phải nộp 5.646.000 đồng, bà N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004560 ngày 18 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Vĩnh Long).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long.
- THADS tỉnh Vĩnh Long.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh